TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HSST
Ngày 25/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Đại.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Long Trọng Nhiên,
2. Ông Nguyễn Khắc Nam

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Hà Hải H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại nhà văn hóa Bản Mạ 2, xã Yên Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HS, ngày 15 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HS ngày 12/4/2024 đối với bị cáo:

Hoàng Quốc Q - Sinh ngày 14 tháng 9 năm 1978, tại huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; ĐKHKTT: T9, K, Phường GĐ, thành phố HL, tỉnh Qn; Nơi ở: nhà máy Z129, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Tá L và bà Nguyễn Thị H; Vợ 1: Cao Thị H – Sinh năm 1982 (Đã ly hôn) Vợ 2 Nguyễn Thu H – Sinh năm 1979 (Đã ly hôn) Bị cáo có 02 con , con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án: Tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/12/2023, tạm giam từ ngày 11/12/2023 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

Những người bị:

1. Chị Hoàng Thị T- sinh năm 1991;

Trú tại bản NM, xã VY, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

2. Chị Hoàng Thị T – Sinh năm 1994;

Trú tại BR, xã NĐ, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có mặt;

Những Người làm chứng:

1. Hoàng Thị T - sinh năm 1991;

2. Hoàng Văn C – Sinh năm 1990.

Cùng trú tại BR, xã NĐ, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm 1991;

Trú tại bản PM, xã VY, huyện Bảo yên, tỉnh Lào Cai – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Hoàng Quốc Q, có quan hệ quen biết với chị Hoàng Thị T, sinh năm 1991 trú tại BR, xã NĐ, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Khoảng tháng 05/2023 chị T được biết chị Hoàng Thị T, sinh năm 1994 trú tại BR, xã NĐ, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (là em chồng của chị T) có anh rể là Hoàng Văn H đã bị Toà án nhân dân huyện Bảo Yên tuyên án 03 năm tù về tội vi phạm quy định khi tham gia giao thông đường bộ. Chị T nói chuyện với chị T về việc quen biết với bị cáo Hoàng Quốc Q là người có thể chạy án, đồng thời chị T cho chị T số điện thoại của Hoàng Quốc Q để chị T gọi liên hệ. Đến khoảng tháng 07/2023, chị T nói với chị gái Hoàng Thị T, sinh năm 1991 trú tại bản NM, xã VY, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (là vợ của anh Hoàng Văn H) về việc nhờ bị cáo Q chạy án treo cho anh H. Xong T đã chủ động gọi điện thoại với bị cáo Q để nhờ về việc chạy án cho anh rể Hoàng Văn H từ án phạt tù 03 năm tù giam chuyển sang án treo. Q đồng ý và nói với chị T là Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai đồng ý xử án treo với số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi gọi điện cho bị cáo Q chị T bàn bạc với chị Hoàng Thị T và chồng là Hoàng Văn C về việc chạy án cho anh H, thì chị T và anh C đều nhất trí đưa 120.000.000 đồng cho bị cáo Q để xin án treo cho anh H. Sau khi bàn bạc trong gia đình, chị T gọi điện cho bị cáo Q nói gia đình chị T nhờ Q chạy án cho anh H. Lúc này Q nảy sinh ý đình lừa chạy án để lấy tiền của gia đình chị T chi tiêu cá nhân, đến cuối tháng 7/2023 bị cáo Q gọi điện hẹn chị T đi cùng lên Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai để gặp lãnh đạo Tòa án, mục đích Q đưa gia đình chị T đi lên Tòa án tỉnh để nhằm tạo lòng tin cho gia đình chị T. Đến ngày 01/8/2023 bị cáo Q đi xe taxi đi từ thành phố Tuyên Quang đến nhà chị T để đón chị T đi cùng lên Tòa án tỉnh Lào Cai. Nhưng do chị T ngại là phụ nữ nên bảo anh C đi cùng Q lên Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai tại thành phố Lào Cai. Khi đến trụ sở Tòa án tỉnh Lào Cai, Q nói anh C ngồi ở quán nước trước của Toà án đợi còn Q đi vào phòng bảo vệ của Toà án ngồi nói chuyện với người bảo vệ nhằm mục đích tạo lòng tin với anh C là Q vào gặp lãnh đạo Tòa án để liên hệ chạy án. Ngồi trong phòng bảo vệ được khoảng 30 phút Q đi ra cổng gặp anh C nói là Toà án chỉ gặp riêng Q, hẹn đến ngày 19/9/2023 sẽ xét xử phúc thẩm đối với anh Hoàng Văn H và yêu cầu anh C chuyển trước 50.000.000đ (Năm

mươi triệu đồng) để đưa cho Tòa án. Anh C đã gọi điện về nhà cho chị T và chị T nói việc Q bảo phải đưa trước 50.000.000 đồng. Lúc này. Chị Thuý cầm 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền mặt sang nhà anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 trú tại bản PM, xã VY, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (là người hàng xóm) rồi nhờ anh H chuyển khoản số tài khoản **0812.123.144** của ngân hàng MBbank tên chủ tài khoản là Hoàng Quốc Q. Sau khi nhận được tiền, bị cáo Q và anh C đi từ thành phố Lào Cai về xã NĐ, Bảo Yên để anh C về nhà, còn bị cáo Q về thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Mấy ngày sau khi lên Tòa án tỉnh về bị cáo Q tiếp tục gọi điện cho chị T yêu cầu chuyển thêm số tiền là 20.000.000 đồng. Chị T nói với chị Thuý về việc Q yêu cầu chuyển thêm tiền, nhưng do không có đủ tiền nên ngày 14/8/2023 chị Thuý nhờ anh Nguyễn Văn H chuyển khoản cho bị cáo Q số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) thông qua tài khoản MBbank số **0812.123.144** của bị cáo Q. Đến ngày 24/8/2023 bị cáo Q thuê xe đi từ thành phố Tuyên Quang đến nhà chị Thuý để yêu cầu chuyển nốt số tiền như đã thoả thuận. Tại đây, chị Thuý đã đưa cho bị cáo Q số tiền mặt là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền, Q tự viết giấy biên nhận với gia đình chị Thuý về việc đã nhận tổng số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Xong bị cáo Q đi về thành phố Tuyên Quang, đến ngày 06/9/2023 bị cáo Q có yêu cầu chị T chuyển thêm cho bị cáo Q kinh phí để đi lên Tòa án tỉnh chạy án, chị T đồng ý và chuyển số tiền 2.050.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) từ tài khoản của chị T vào số tài khoản MBbank số **0812.123.144** của bị cáo Q. Chị T đã chuyển khoản làm 02 lần, một lần chuyển số tiền là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), một lần 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Đến ngày 19/9/2023 bị cáo Q gọi điện cho chị T và nói Toà án đã hoãn xử vụ án của Hoàng Văn H đến ngày 19/10/2023 do bị hại vắng mặt. Đến ngày 19/10/2023 bị cáo Q lại nói với chị T là người nhà bị hại không có mặt nên phiên toà xét xử anh Hoàng Văn H bị Toà án hoãn xét xử đến ngày 19/11/2023. Đến ngày 20/11/2023 chị T gọi điện cho bị cáo Q đòi lại tiền chạy án do biết được thông tin anh H chuẩn bị phải đi chấp hành án. Bị cáo Q đồng ý sẽ trả lại tiền và hẹn gặp chị T và anh C tại thành phố Lào Cai. Ngày 01/11/2023 bị cáo Q đã gặp chị T và anh C tại sân quảng trường thành phố Lào Cai. Tại đây bị cáo Q đã tự viết một giấy hẹn thanh toán sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận của chị T trước ngày 06/11/2023. Tuy nhiên sau đó nhiều ngày Q không vẫn không hoàn trả lại số tiền, đến ngày 01/12/2023 sau nhiều lần gọi điện Q không nghe máy nên chị T đã đến Công an huyện Bảo Yên để trình báo vụ việc. Đến ngày 03/12/2023 Q đi xe khách đi từ thành phố Hà Nội lên huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai sau đó thuê xe ôm đi vào nhà chị Thuý để định tiếp tục lừa chị T đưa thêm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để chạy án cho anh H thì bị lực lượng Công an huyện Bảo Yên đến mời về trụ sở để làm việc. Tại cơ quan điều

tra Q đã tự giác khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 1.22.050.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và giao nộp 01 giấy biên nhận do Q viết tay với nội dung đã thoả thuận với Chánh án Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai về việc chạy án treo cho Hoàng Văn H với số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng). Bị cáo Q đã tự ký tên và phần tên của ông Thiện (Chánh án Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai) và 01 quyển sổ NOTEBK nhãn hiệu KLONG, bìa màu đen, bên trong có 01 trang giấy viết với nội dung Giấy biên nhận ngày 02/12/2023 tại TP.Lào Cai với ông Phùng Chí Thiện, đã có chữ ký của người nhận và người giao, ở phần cuối quyển sổ có 01 trang viết nội dung "Phùng Chí Thiện 1967 - xã Đồ Sơn - Thanh Ba pt" .

Tại cáo trạng số Số: 03/CT-VKSBY vngày 15 tháng 3 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên đã truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên nội dung Cáo trạng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s, v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Hoàng Quốc Q từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa:

[1] Hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến kH nại về hành vi tố tụng và Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận Bị cáo Hoàng Quốc Q có quan hệ quen biết với chị Hoàng Thị T, trú tại BR, xã NĐ, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Khoảng tháng 05/2023 chị T được biết chị Hoàng Thị T em chồng của chị T có anh rể là Hoàng Văn H đã bị Toà án nhân dân huyện Bảo Yên tuyên án 03 năm tù về tội vi phạm quy định khi tham gia giao thông đường bộ. Chị T nói với chị T có quen Q có khả năng chạy án treo cho anh rể chị T, nghe được chị T nói lại với chị gái là chị T vợ anh H. Sau đó chị T gọi điện cho bị cáo Q nhờ chạy án treo, bị cáo Q nhất trí và nói với chị T rằng lãnh đạo Tòa án tỉnh Lào Cai đồng ý xử án treo với số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Chị T nói lại với chị T, chị T nhất trí. Ngày 01 tháng 8 năm 2023 bị cáo Q nói với chị T và chị T rằng lên Tòa án tỉnh Lào Cai để gặp lãnh đạo Tòa án tỉnh Lào cai để trao đổi. Sau đó Q cùng chị T và anh C chồng chị T lên thành phố Lào Cai, tại đây Q bảo chị T và

anh C gồi ở quán nước đợi để Q lên gặp lãnh đạo Tòa án, sau đó Q vào phòng bảo vệ Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai ngồi uống nước với người bảo vệ, qua đó bị cáo biết được tên của một lãnh đạo Tòa án tỉnh Lào Cai. Q ra quán nước nói với anh C và chị T hẹn Tòa án tỉnh hẹn đến ngày 19/9/2023 sẽ xét xử phúc thẩm đối với anh H rồi Q đã yêu cầu chị T chuyển trước số tiền với 50.000.000 đồng, chị T trao đổi với chị T gọi Chị T đã chuyển khoản cho Q 50.000.000 đồng, tính đến tháng 8 năm 2023 chị T đã chuyển khoản và đưa tay cho Q tổng số 120.000.000 đồng. Ngày 06/9/2023 bị cáo Q có yêu cầu chị T chuyển thêm cho bị cáo Q kinh phí để đi lại số tiền 2.050.000 đồng tiền phí đi lại, chị T đồng ý và đã chuyển khoản cho Q> Tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị Hoàng Thị T và chị Hoàng Thị T là 122.050.000 đồng.

Mặc dù không quen biết với lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai nhưng bị cáo đã hứa hẹn và dùng nhiều thủ đoạn để lấy lòng tin của gia đình bị hại để chiếm đoạt của các bị hại 122.050. 000 đồng. Vì vậy đã có đủ cơ sở để xác định bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm doạt tài sản" theo điểm c, khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, đồng thời khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp xâm phạm đến tài sản của gia đình chị T, ảnh hưởng đến an ninh chính trị tại địa pH. Cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm cân nhắc một mức án phù hợp với hành vi của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, Bị cáo có bố đẻ là ông Hoàng Tá L được Nhà nước trao tặng Huy cH kháng chiến hạng Nhất. Có mẹ đẻ là Nguyễn Thị H được Nhà nước tặng thưởng Huy cH kháng chiến hạng Ba. Bản thân bị can Q quá trình công tác trong lực lượng Công an nhân dân từ năm 1997 đến năm 2016 được tặng tH 02 giấy khen, 03 bằng khen do có nhiều thành tích xuất sắc trong lao động và học tập, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được quy định tại các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân dự: Tại phiên tòa người bị hại Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đông (Một trăm hai mươi triệu đồng). người bị hại Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo trả số tiền 2,050,000 đồng. Xét yêu cầu của bị hại là hợp pháp, Cần buộc bị cáo phải trả lại các bị hại số tiền đã chiếm đoạt là phù hợp.

[3] Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Tuyên bố bị cáo Hoàng Quốc Q: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s, v khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Hoàng Quốc Q 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 04/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Quốc Q phải trả người bị hại Hoàng Thị T 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), trả người bị hại Hoàng Thị T 2.050.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm là 6.102.500 đồng (Sáu triệu một trăm linh hai nghìn năm trăm đồng). Tổng cộng bị cáo phải chịu án phí là 6.302.500 đồng.

Án xử công khai. Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Sở tư pháp;
- THA (HS-DS);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Đại